

Long Thành, ngày tháng năm 2026.

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc
Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành, đoạn qua huyện Long Thành
(nay là Phường Long Thành) - (đợt 3)

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 494/TTg-CN ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phương án thực hiện Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 31/5/2025 của Hội đồng thành viên VEC về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành;

Căn cứ Văn bản số 10512/UBND-KTNS ngày 25/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành;

Căn cứ Quyết định 08/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 3887/UBND-KTNS ngày 16 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Văn bản số 993/TNMT-ĐĐ ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nằm trong hành lang an toàn an toàn đường bộ, đường sắt;

Căn cứ Văn bản số 3165/SNNMT-ĐĐ ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc xác định giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ văn bản số 1553/HĐ-TĐGD ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng thẩm định giá đất của UBND xã Long Thành về việc thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành đoạn qua xã Long Thành (nay là Phường Long Thành);

Căn cứ các thông báo thu hồi đất ngày 12/11/2025 của UBND xã Long Thành về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành, đoạn qua xã Long Thành (nay là Phường Long Thành);

Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “ Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân Phường Long Thành chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai).

Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành, đoạn qua huyện Long Thành (nay là Phường Long Thành) – đợt 3, cụ thể như sau:

II. Giải trình nội dung trong phương án:

1. Bồi thường đất:

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Long Thành (nay là Phường Long Thành) về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; vị trí, thông tin về đất căn cứ danh sách, phiếu cung cấp của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành Phố Đồng Nai - Chi

nhánh Long Thành (UBND Phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định).

Đơn giá bồi thường: Căn cứ văn bản số 1553/HĐ-TĐGD ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng thẩm định giá đất của UBND xã Long Thành (nay là Phường Long Thành) về việc thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành *đoạn qua xã Long Thành (nay là Phường Long Thành)*;

2. Bồi thường, hỗ trợ Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây trồng và tài sản khác:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND Phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. (UBND Phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác theo quy định).

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai).

3. Các chính sách hỗ trợ:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai).

Đối với các trường hợp vắng chủ, sẽ không áp thưởng di dời theo lũy tuyến vì không liên hệ được các chủ sở hữu.

4. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp bị ảnh hưởng: **36 trường hợp**
- Tổng diện tích thu hồi: **3.196,0 m².**

Trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 3.133,4 m² (trong đó: đất trồng lúa: 864,8 m²)

+ Đất phi nông nghiệp: 62,6 m².

- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **2.710.549.456** đồng.

(Hai tỷ, bảy trăm mười triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi sáu đồng).

Trong đó:

- | | |
|--|---------------------|
| - Bồi thường đất: | 66.429.464 đồng. |
| - Bồi thường bồi thường, hỗ trợ nhà ở vật kiến trúc | 2.346.464.491 đồng. |
| - Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng | 68.622.508 đồng. |
| - Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác | 23.371.900 đồng. |
| - Thuởng di dời: | 114.000.000 đồng. |
| - Kinh phí cho tổ chức thực hiện BT, HT&TĐC: (3,5%): | 91.661.093 đồng. |

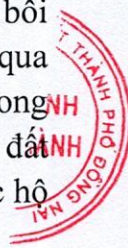
Trong đó:

- | | |
|------------------------------------|------------------|
| + Kinh phí cho UBND cấp xã 0,525%: | 13.749.164 đồng. |
| + Kinh phí cho TTPTQĐ 2,975%: | 77.911.929 đồng. |

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, không có giá trị bồi thường cho các hộ dân; Sau khi thông qua Hội đồng Bồi thường Phường Long Thành thống nhất và UBND Phường Long Thành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành Phố Đồng Nai chi nhánh Long Thành sẽ thông báo chi trả tiền cho các hộ theo quy định.

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành, đoạn qua huyện Long Thành (nay là Phường Long Thành) - (đợt 3) kiến nghị UBND Phường Long Thành xem xét, thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định./.





BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thuộc Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Mở rộng đơn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành (đoạn qua xã Long Thành) - đợt 3
(Danh sách kèm theo Phương án số/P4-TTP/QĐ/CNLI.NI ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất UBND quản lý	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chi chủ		
							Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Trong đó đất trồng lúa											
							Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
1	2	3			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị Nor (vắng chủ)		46	4	3.819,2	35,4	35,4	35,4			26.217,240								26.217,240	
2	Huyền Thị Sê (vắng chủ)		38	110	303,0	44,4	44,4	44,4			32.882,640								32.882,640	
3	Chưa xác định người có đất thu hồi (thửa 115, tờ 38)		38	115	17,2	3,7	3,7	3,7			2.740,220								2.740,220	
4	Phạm Thị Xê (chết) - chưa xác định thửa kế	Khu phố Kim Sơn, P. Long Thành, Tp.Đồng Nai	228	109	6,2	6,2	6,2	6,2			4.589,364	12.415,000	607,550					2.000,000	19.611,914	
5	Vưu Ngọc Diễm	Ấp 6, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai	228	136	109,7	24,8	24,8	24,8											-	
6	UBND phường Long Thành	42, 83, 3, 111, 81, 82, 84, 69 P. Long Thành, Tp.Đồng Nai	45, 46, 38	8.268,2	715,5	715,5	715,5	715,5											-	
7	Trần Ngọc Khánh Vân	Ấp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	134	131,1	41,0	41,0	41,0											-	
8	Nguyễn Văn Đông	Ấp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	225	184	27.389,8	643,5	643,5	643,5					13.781,381					2.000,000	15.781,381	
9	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Ấp Kim Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	44	455, 457	2.437,7	33,0	33,0	33,0							691,145			2.000,000	2.691,145	
10	Lê Văn Trọng	Tổ 9, ấp Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	225	353	3.828,5	513,1	513,1	513,1							2.933,912			2.000,000	4.933,912	
11	Nguyễn Hữu Hàn - Nguyễn Thị Kiên	Ấp Phước Thuận, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	2	835,6	525,5	525,5	525,5						63.556,672				8.000,000	71.556,672	
12	Nguyễn Văn Tú	Ấp Phước Kiếng, xã Núi Trach, tỉnh Đồng Nai	230	9	129,3	55,7	55,7	55,7						180.029,392	2.901,915	1.740,000		12.000,000	196.671,307	



STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng công giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
							Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Tổng	Tổng											
							Tổng	Tổng	Tổng	Tổng											
13	Dương Thị Thủy	ấp Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	229	8	47,8	19,5			19,5	19,5				35.401.275	39.651.840	1.500.000		8.000.000	84.553.115		
14	Nguyễn Thị Tuyết	ấp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	4,5	186,7	183,8			183,8					200.986.308				16.000.000	216.986.308		
15	Phan Thị Ly - Phan Thị Bè - Phan Văn Quốc (DSD)	ấp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	21	537,6	10,2			10,2					121.247.600				12.000.000	133.247.600		
16	Nguyễn Kiên (DGC) - Nguyễn Hàn Thôn (TK)	ấp Phước Kiển, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	230	372	140,5	27,6			27,6					8.628.800				2.000.000	10.628.800		
17	Thông Nguyễn Ngọc Vy	Khu phố Văn Hải, P. Long Thành, Tp. Đồng Nai	228	151	95,1	29,7			1,6	28,1	28,1			158.842.544				12.000.000	170.842.544		
18	Nguyễn Thị Kim Thủy	khu phố 4, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	130	75,1	23,3			8,3	15,0	15,0			117.208.100	1.048.952	2.024.600		12.000.000	132.281.652		
19	Nguyễn Văn Xanh - Vũ Thị Tươi	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai	225	134	6.584,2	5,1			5,1					23.055.840	110.215			4.000.000	27.166.055		
20	Nguyễn Thị Thủy	ấp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	8	217,5	74,4			74,4					195.251.940		1.500.000		12.000.000	208.751.940		
21	Nguyễn Văn Hòa - Thân Thị Trúc Khanh (DSD)	Thành, tỉnh Đồng Nai - Ấp Nhất Trĩ, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	230	13	407,5	58,3			58,3					194.823.900		180.000			195.003.900		
22	Nguyễn Xuân Vương	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	7	365,0	122,3			122,3					70.925.660				8.000.000	78.925.660		
23	Trần Đình Lương - Lý Thị Bội (TSTD Nguyễn Thị Tuyết)	ấp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai												637.095.240		2.699.500			639.794.740		
24	Vũ Thị Kim Anh (TSTD Nguyễn Văn Tiến)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai												1.337.024	5.676.705				7.013.729		
25	Nguyễn Thương (TSTD Nguyễn Văn Tiến)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai												9.827.280	212.178				10.039.458		
26	Nguyễn Vương Tiến (TSTD Nguyễn Văn Tiến)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai												40.602.400	890.315	1.500.000			42.992.715		
27	Nguyễn Thị Thu Thảo (TSTD Nguyễn Văn Tiến)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai												13.967.420		1.500.000			15.467.420		

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)			Đất do UBND quản lý	Giá trị bồi thường về đất	Giá trị bồi thường nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trồng cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tái san khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thương di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chi chú	
							Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Tổng										
28	Nguyễn Thị Thu Strong (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai										8.722.520					8.722.520		
29	Trần Thanh Trâm (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	Phường Nhơn Trách, tỉnh Đồng Nai										16.832.460		1.500.000			18.332.460		
30	Nguyễn Thị Vương Toàn (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai										16.411.760					16.411.760		
31	Nguyễn Vũ Sang (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	khu phố Kùm Sơm, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai										64.679.592					64.679.592		
32	Nguyễn Mạnh Tường (TSTD Nguyễn Văn Sinh - Nguyễn Thị Bích Mai)	Phường Nhơn Trách, tỉnh Đồng Nai										11.191.480		1.798.300			12.989.780		
33	Nguyễn Thị Thủy Vân (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	Phường Bình Tân, Tp HCM										17.870.824		1.500.000			19.370.824		
34	Nguyễn Duy Tao (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai										39.527.420		1.500.000			41.027.420		
35	Nguyễn Linh (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai										46.863.060	116.400	2.568.400			49.547.860		
36	Nguyễn Thị Minh Hoàng (TSTD Nguyễn Văn Tiên)	khu phố 2, P. Long Thành, tỉnh Đồng Nai										39.162.980		1.861.100			41.024.080		
Cộng					56.232,5	3.196,0	3.133,4	864,8	62,6	62,6	-	2.346.464,491	68.622,508	23.371,900	-	114.000,000	2.618.888,363		
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																			
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:																			
Trong đó: - Kinh phí cho UBND cấp xã 0,525%:																			
- Kinh phí cho TTPTQD 2,975%:																			
Tổng cộng (1+2):																			
2.710.549.456																			

Bảng chữ: Hai tỷ, bảy trăm mười triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng

LẬP BIỂU

KIỂM TRA

TỔ PHÓ TỐ BỒI THƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Kim Phụng

Lê Nguyễn Quang Vinh

Phan Lê Duy An

Mai Ngọc Thắng

